UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 403 /BCGSĐGĐT

Hà Nội, ngày 4... tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ
(Quý II - Năm 2024)

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ Đô xin báo cáo Sở kế hoạch và Đầu tư về việc " báo cáo giám sát đánh giá tổng thể đầu tư Quý II năm 2024" với các nội dung cụ thể như sau:

- Trong Quý II năm 2024 Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ Đô đã tiến hành tổ chức triển khai lựa chọn nhà thầu và chuẩn bị đầu tư thực hiện các dự án phục vụ cho công tác hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty đạt kết quả cao cụ thể như sau:

1. Sửa chữa cải tạo vệ sinh tầng 1, tầng 2 và văn phòng làm việc tầng 11 tại tòa nhà trung tâm giao dịch Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ Đô, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội

2. Thi công cải tạo hệ thống 2 buồng thang và cung cấp lắp đặt mới 2 thang máy trụ sở Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ Đô tại 53E Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

3. Mua sắm 02 xe ô tô bán tải

Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ Đô xin trân trọng cảm ơn Sở kế hoạch và Đầu tư trong thời gian đã quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ để Công ty hoàn thành tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh doanh của UBND Thành phố Hà Nội giao.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT

CHỦ TỊCH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

Nguyễn Thị Thủy

Phụ biểu 01

Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ báo cáo

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm *(bao gồm số chuyển nguồn năm trước)*	Bố trí trả nợ đọng XDCB	Nợ đọng XDCB còn lại	Tình hình thực hiện trong kỳ		Tình hình giải ngân trong kỳ		Tổng số tiền phải thu hồi, giảm trừ[1] *(nếu có)*	Thất thoát, lãng phí được phát hiện[2] *(nếu có)*
					Giá trị	so với KH vốn năm (%)	Giá trị	so với KH vốn năm (%)		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7) = (6)/(1)	(8)	(9)
I	**Dự án đầu tư công**									
1	***Vốn đầu tư công***									
1.1	Vốn NSNN (vốn trong nước)									
a	***Vốn NSTW***									
b	***Vốn NSĐP***									
1.2	Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài									
1.3	Vốn đầu tư công khác									
2	***Vốn nhà nước ngoài đầu tư công***									
3	***vốn khác***[3]									
3.1	Trong nước	4.109								
3.2	Nước ngoài									
II	**Tổng cộng**	4.109								

Phụ biểu 02

Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (của cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

TT	Nội dung	chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình ĐTC do Chính phủ, Thủ tướng CP quyết định CTĐT	Chương trình ĐTC do Công ty quyết định CTĐT
I	**Chủ chương trình**[1]			
1	Số lượng chương trình			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
II	**Chủ dự án thành phần**[2]			
1	Số lượng dự án			
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			
III	**Chủ đầu tư dự án thuộc chương trình**[3]			
1	Số lượng dự án			03
2	Tổng vốn kế hoạch (tỷ đồng)			4.109
3	Giá trị thực hiện (tỷ đồng)			
4	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)			

Phụ lục biểu 03.1

Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự đầu tư sử dụng vốn Nhà nước

TT	Nội dung	Tổng cộng	Dự án đầu tư công					Dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công				
			Tổng số	QTQG	A	B	C	T□ng số	QTQG	A	B	C
		(1)=(2)+(7)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	**Chuẩn bị đầu tư**											
1	Số dự án được quyết định chủ trương trong kỳ	1						1				1
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong kỳ	1						1				1
II	**Thực hiện đầu tư**											
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ	3						3				3
a	***Số dự án chuyển tiếp***											
b	***Số dự án khởi công mới trong kỳ***											
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin GSĐG trong kỳ											
3	Số dự án chưa thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin GSĐG trong kỳ											
4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ *(do người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện)*											

5	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ											
6	Số dự án có Vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ (theo *kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán)*											
a	*Không phù hợp với quy hoạch*											
	Phê duyệt không đúng thẩm quyền											
b	*Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm định dự án*											
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ (theo *quy định về quản lý chất lượng hiện hành)*											
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ *(theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)*											
a	*Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện*											
b	*Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định*											
9	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ											
a	*Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư*											
b	*Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng*											
c	*Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu*											
d	*Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời*											
đ	*Số dự án chậm do các nguyên nhân khác*											

10	Số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ											
11	Số dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư trong kỳ											
a	*Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư*											
b	*Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư*											
c	*Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư*											
d	*Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác*											
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau											
13	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ	3										3
a	*Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ*											
-	Chỉ định thầu	1										1
-	Đấu thầu hạn chế											
-	Đấu thầu rộng rãi	1										1
-	Hình thức khác	1										1
b	*Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ*											
-	Đấu thầu không đúng quy định											

-	Ký hợp đồng không đúng quy định											
III	**Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng**											
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ											
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán											
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ											
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ											
a	*Số dự án đã đưa vào vận hành*											
b	*Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)*											
c	*Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ*											

Phụ biểu 03.2
Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư công phân theo nguồn vốn

STT	Nội dung	Dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài					Dự án sử dụng vốn NSTW (vốn trong nước)					Dự án sử dụng vốn NSĐP					Dự án sử dụng vốn ĐTC khác
		Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	Tổng số	QTQG	A	B	C	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	**Chuẩn bị đầu tư**																
1	Số dự án được quyết định chủ trương trong kỳ																1
2	Số dự án được quyết định đầu tư trong kỳ																1
II	**Thực hiện đầu tư**																
1	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ																3
a	*Số dự án chuyển tiếp*																2
b	*Số dự án khởi công mới trong kỳ*																1
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ																
3	Số dự án chưa thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá đầu tư trong kỳ																

4	Số dự án đã thực hiện kiểm tra trong kỳ *(do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)*																		
5	Số dự án đã thực hiện đánh giá trong kỳ																		
6	Số dự án có vi phạm về thủ tục đầu tư được phát hiện trong kỳ *(theo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán)*																		
a	*Không phù hợp với quy hoạch*																		
b	*Phê duyệt không đúng thẩm quyền*																		
c	*Không thực hiện đầy đủ trình tự thẩm định dự án*																		
7	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý chất lượng được phát hiện trong kỳ *(theo quy định về quản lý chất lượng hiện hành)*																		
8	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện trong kỳ *(theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền)*																		
a	*Tổng cộng tổng mức đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện*																		
b	*Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định*																		
9	Số dự án chậm tiến độ trong kỳ																		
a	*Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư*																		

b	*Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng*																
c	*Số dự án chậm tiến độ do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu*																
d	*Số dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời*																
đ	*Số dự án chậm do các nguyên nhân khác*																
10	Số dự án phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trong kỳ																
11	Số dự án phải điều chỉnh quyết định đầu tư trong kỳ																
a	*Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư*																
b	*Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư*																
c	*Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư*																
d	*số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác*																
12	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau																
13	Số dự án thực hiện lựa chọn nhà thầu trong kỳ																
a	*Tổng số gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kỳ*																
-	Chỉ định thầu																1
-	Đấu thầu hạn chế																

-	Đấu thầu rộng rãi																1
-	Hình thức khác																1
b	*Tổng số gói thầu có vi phạm thủ tục đấu thầu được phát hiện trong kỳ*																
-	Đấu thầu không đúng quy định																
-	Ký hợp đồng không đúng quy định																
III	**Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng**																
1	Số dự án kết thúc đầu tư trong kỳ																
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán																
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ																
4	Tình hình khai thác vận hành trong kỳ																
a	*Số dự án đã đưa vào vận hành*																
b	*Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)*																
c	*Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ*																